

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/6/2023.

Về việc Ly hôn giữa chị Bùi Thị T
và anh Hà Văn D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC – TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thiết và bà Đinh Thị Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Công - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1985 (Có mặt tại phiên tòa)

Nơi ĐKKHKT: Xóm A, xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Nơi ở: Xóm L, thị trấn T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh **Hà Văn D**, sinh năm 1990 (Có mặt tại phiên tòa)

Nơi ĐKKHKT: Xóm A, xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn D kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là xã N), huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, cùng nhau làm ăn sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh D không chịu khó làm ăn xây dựng gia đình, không quan tâm chăm lo cho chị và con trai, từ đó bất đồng quan điểm sống nên năm 2021 chị đã đưa con trai cùng vào huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để làm thuê và có cuộc sống ổn định tại đây. Nay xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không tồn tại chị T làm đơn xin ly hôn anh Hà Văn D.

Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là Hà Tuấn A, sinh ngày 14/10/2017, hiện nay con đang ở cùng chị, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi

đưỡng, chăm sóc giáo dục con đến khi trưởng thành. Chị T chưa yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn – anh Hà Văn D trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh và chị Bùi Thị T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là N) thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị T trong cuộc sống không thấu hiểu và chia sẻ với anh, từ đó trở nên xa cách và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị T đã đưa con trai đi làm ăn ở tỉnh Thanh Hóa nhưng anh không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Nhiều lần anh muốn hòa giải để vợ chồng quay về bên nhau làm ăn sinh sống tuy nhiên chị T không đồng ý. Bản thân anh vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị T.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình là nhất quyết xin ly hôn với anh Hà Văn D. Anh Hà Văn D không đồng ý ly hôn mà không đưa ra được chứng cứ nào khác.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án. Viện Kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án: thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Hà Văn D có mâu thuẫn trầm trọng; đã sống ly thân và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung xét điều kiện và hoàn cảnh hiện tại con chung đang sinh sống, học tập ổn định với chị T nên để chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị T chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng hai bên khai nhận không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình giải quyết việc ly hôn với anh Hà Văn D, địa chỉ tại xóm A, xã N, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

[2] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Hà Văn D khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Hà Văn D được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị T và anh D có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng chị T và anh D thường xuyên bất đồng quan điểm có cãi vã, do anh D không chịu khó làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 05 năm 2021 đến nay. Quá trình sống ly thân chị T và anh D cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bỏ mặc nhau. Như vậy chị Thùy và anh Du đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là Hà Tuấn A, sinh ngày 14/10/2017, hiện nay cháu hơn 5 tuổi và đang sống ổn định cùng chị T. Xét về điều kiện nuôi con của cả hai bên thấy rằng chị Bùi Thị T có việc làm thu nhập, chỗ ở ổn định còn phía anh Hà Văn D không có việc làm ổn định, không có chỗ ở ổn định. Hơn nữa trên thực tế con chung vẫn ở với mẹ là chị T. Vì quyền lợi mọi mặt của cháu Hà Tuấn A còn nhỏ đang cần sự chăm sóc của người mẹ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận giao cháu Hà Tuấn A cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là có căn cứ, hợp tình, hợp lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị T chưa có yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng và xét đây là ý kiến tự nguyện của chị T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Bùi Thị T vẫn có quyền yêu cầu anh Hà Văn D cấp dưỡng, thay đổi người trực tiếp nuôi con trong quá trình chị Bùi Thị T nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Bùi Thị T và anh Hà Văn D đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị T, xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Hà Văn D.

2. Về nuôi con: Giao con chung của chị Bùi Thị T và anh Hà Văn D là Hà Tuấn A, sinh ngày 14/10/2017, cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng sau ly hôn. Anh Hà Văn D chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Bùi Thị T chưa có yêu cầu. Anh Hà Văn D có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Anh Hà Văn D không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Bùi Thị T.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: xác nhận không có.

Án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002781 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, chị Bùi Thị T đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- UBND xã N, Tân Lạc, Hòa Bình;
- (Nơi đăng ký kết hôn ngày 09/9/2016)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký tên, đóng dấu)

Hà Thị Yên

